

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày: 23-6-2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Ngôn.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Hồ Trung T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: số 399/17/22, tổ 22, khóm T, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Trung T: ông Lại Văn G, sinh năm 1968. (theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019) (Có mặt).

Địa chỉ: số 41/9C, đường Nguyễn Du, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 31/8C, khóm T, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lại Văn G trình bày:

Ông Hồ Trung T và ông Nguyễn Thanh H có quan hệ quen biết, vào ngày 07/10/2015 ông T có cho ông H mượn số tiền là 100.000.000 đồng để mở quán kinh

doanh (quán căn tin ở Bệnh viện), hai bên có làm biên nhận nợ do ông H ký tên, khi cho mượn số tiền trên có thỏa thuận tính lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng (tính từ ngày 07/10/2015) ông H sẽ trả lại tiền, ông H có đóng lãi cho ông T được 01 tháng với số tiền 5.000.000 đồng và đến nay ông H không trả lại tiền vốn 100.000.000 đồng cho ông T và ông T cũng không có nhận thêm tiền lãi từ ông H. Ông T nhiều lần đến nhà ông H để đòi lại số tiền này nhưng ông H tránh mặt và không trả số tiền này cho đến nay. Việc mượn tiền của ông T thì bà H (vợ ông H) biết do mượn tiền này để mở quán kinh doanh (căn tin ở Bệnh viện) và vợ chồng ông H cùng làm ăn chung.

Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thúy H liên đới trách nhiệm trả cho ông Hồ Trung T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 07/11/2015 cho đến khi Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa, ông Giang rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thúy H và số tiền 3.800.000 đồng là phần tiền lãi vượt quá quy định pháp luật, đồng ý khấu trừ số tiền 3.800.000 đồng vào nợ gốc và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 07/11/2015 đến ngày 27/3/2019. Nay chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho ông Hồ Trung T số tiền 96.200.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện 28/3/2019 cho đến khi Tòa án xét xử (23/6/2020).

Đối với nội dung trình bày của ông H tại phiên tòa, ông Giang không thừa nhận việc vay mượn tiền thông qua ông Nguyễn Hồng M và không biết ông M là ai. Việc vay mượn tiền giữa ông T và ông H là do ông T trực tiếp đưa tiền cho ông H, ông H ghi nội dung và ký tên vào biên nhận ngày 07/10/2015. Không thống nhất đối với yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của ông H, các tài liệu, chứng cứ mà ông H cung cấp tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H trình bày: việc vay mượn tiền của ông T là thông qua ông Nguyễn Hồng M, cư ngụ tại số 48B2, đường Lý Bôn, khóm K, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang, ông trực tiếp nhận tiền từ ông M và không biết ông T, thỏa thuận trả vốn, lãi mỗi tháng là 15.000.000 đồng, người đem tiền trả lãi là ông Lê Nguyễn Thục V và người nhận tiền lãi là ông M hoặc bà A (vợ ông T). Đồng thời, ông đã đóng tiền lãi và gốc 15.000.000 đồng/tháng từ tháng 11/2015 đến tháng 10/2018, tuy nhiên việc trả lãi không làm biên nhận do ông và ông M là bạn bè thân thiết.

Ông H xác định chữ viết và chữ ký trong biên nhận ngày 07/10/2015 là do ông viết và ký tên. Ông H xuất trình chứng cứ là biên nhận mượn tiền ngày 21/10/2016, biên nhận ngày 01/12/2016 do bà Nguyễn Thị Mỹ T ký tên, tờ tường trình của ông Lê Nguyễn Thục V ngày 03/6/2020, tờ tường trình ngày 03/6/2020 của ông Nguyễn Thanh H. Ông H yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để đưa ông Nguyễn Hồng M, bà A, ông Lê Nguyễn Thục V vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền vay giữa ông T và ông H, đồng thời yêu cầu xem xét việc ông đã trả đủ số tiền vay cho ông T. Ông không đồng ý trả số tiền 96.200.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thúy H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Trung T, buộc ông H trả cho ông T số tiền 96.200.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện (28/3/2019) đến ngày Tòa án xét xử (23/6/2020).

Đề nghị áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vốn gốc 3.800.000 đồng và yêu cầu bà H liên đới trách nhiệm, thời hạn tính lãi từ ngày 07/11/2015 đến ngày 27/3/2019.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Hồ Trung T khởi kiện ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thúy H. Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thúy H có nơi cư trú tại phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Hồ Trung T khởi kiện ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thúy H yêu cầu trả tiền vay còn nợ. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Hồ Trung T ủy quyền cho ông Lại Văn G. Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông Giang tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[4] Bị đơn bà Nguyễn Thúy H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về áp dụng pháp luật nội dung: xét hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa các bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, lãi suất thỏa thuận như trên không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết theo Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Về nội dung:

[6] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn gốc 3.800.000 đồng, yêu cầu bà H liên đới trách nhiệm và thời hạn tính lãi từ ngày 07/11/2015 đến ngày 27/3/2019. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 3.800.000 đồng, yêu cầu bà H liên đới trách nhiệm và thời hạn tính lãi từ ngày 07/11/2015 đến ngày 27/3/2019.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nên Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, ông H thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trên biên nhận là của ông H và trình bày việc vay mượn số tiền trên của ông T là thông qua ông M (bạn ông H), ông H không biết ông T, ông trực tiếp nhận tiền từ ông M và không biết ông H, thỏa thuận trả vốn, lãi mỗi tháng là 15.000.000 đồng, người đem tiền trả lãi là ông Lê Nguyễn Thục V và người nhận tiền lãi là ông M hoặc bà A (vợ ông T). Đồng thời, ông đã đóng tiền lãi và gốc 15.000.000 đồng/tháng từ tháng 11/2015 đến tháng 10/2018, tuy nhiên việc trả lãi không làm biên nhận do ông và ông M là bạn bè thân thiết. Ông H yêu cầu Tòa án đưa ông Nguyễn Hồng M, bà A, ông Lê Nguyễn Thục V tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xem xét việc ông đã trả đủ tiền vay cho ông T.

[8] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ mà ông H cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy các biên nhận mượn tiền ngày 21/10/2016, biên nhận ngày 01/12/2016 do bà Nguyễn Thị Mỹ T ký tên, tờ tường trình của ông Lê Nguyễn Thục V ngày 03/6/2020 không có nội dung liên quan đến số tiền vay 100.000.000 đồng, không thể hiện việc ông M, bà A, ông Vũ có tham gia vào việc vay tiền giữa ông T và ông H. Ngoài lời khai của ông H thì không đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Hồng M, bà A, ông Lê Nguyễn Thục V có liên quan trong vụ án nên không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để đưa những người này vào tham gia trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Mặt khác, người đại diện theo ủy quyền của ông T cũng xác định việc vay mượn tiền là ông T đưa tiền trực tiếp cho ông H, không thừa nhận việc cho vay tiền thông qua ông M và tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết trên biên nhận là của ông H. Do đó, không cần thiết đưa ông Nguyễn Hồng M, bà A, ông Lê

Nguyễn Thục V vào tham gia trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đủ cơ sở giải quyết vụ án.

[9] Căn cứ nội dung biên nhận mượn tiền ngày 07/10/2015, có chữ ký và chữ viết của ông H, có cơ sở xác định giữa ông T và ông H có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Ông H đã đóng lãi 01 tháng với số tiền 5.000.000 đồng, trong đó cần trừ 3.800.000 đồng vào nợ gốc. Như vậy, ông H còn nợ ông T số tiền 96.200.000 đồng.

Việc ông H không thanh toán số tiền vay còn nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc ông H có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông H có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 96.200.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 471, 474, 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

[10] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28/3/2019 đến ngày Tòa án xét xử (23/6/2020) đối với số tiền còn nợ 96.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy do ông H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Như vậy, tiền lãi chậm trả từ ngày 28/3/2019 đến ngày 23/6/2020 là:  $96.200.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 454 \text{ ngày} = 10.918.700 \text{ đồng}$ , trong đó khấu trừ 1.200.000 đồng tiền lãi mà ông H đã đóng, còn lại 9.718.700 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông H có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 96.200.000 đồng và tiền lãi chậm trả 9.718.700 đồng. Tổng cộng là 105.918.700 đồng.

[11] Về án phí: ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 85, 96, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 471, 474, 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Trung T đối với số tiền 3.800.000 đồng (*Ba triệu, tám trăm nghìn đồng*), yêu cầu bà H liên đới trách nhiệm và thời hạn tính lãi từ ngày 07/11/2015 đến ngày 27/3/2019.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Trung T.

- Buộc ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Trung T số tiền 96.200.000 đồng và tiền lãi 9.718.700 đồng. Tổng cộng là 105.918.700 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu, chín trăm mười tám nghìn, bảy trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.295.935 đồng (*Năm triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng*).

Ông Hồ Trung T được nhận lại 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003011 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Hồ Trung T, ông Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thúy H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Diệu Tiên**